

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội - Hội sở chính là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bá Tiến	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Minh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Anh	Ủy viên
Ông Khuất Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Khuất Minh Hà	Tổng Giám đốc
Bà Lê Nguyễn Mai Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Hồng Vân	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Tất Hiếu	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hồng Điệp	Thành viên
Bà Hoàng Nhật Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Tuấn Anh, the auditor.

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		71.600.654.942	54.666.763.716
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.790.764.138	5.473.806.127
111	1. Tiền		2.790.764.138	5.473.806.127
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	81.624.548	89.709.738
121	1. Chứng khoán kinh doanh		144.664.480	144.664.480
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(63.039.932)	(54.954.742)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.036.447.065	46.777.002.725
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	24.105.391.996	12.042.852.598
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		677.055.900	306.023.390
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	42.253.999.169	34.428.126.737
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.691.819.191	2.326.245.126
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.349.252.689	1.790.204.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	320.677.958
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	342.566.502	215.363.168
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		42.082.332.430	38.999.833.685
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		510.000.000	510.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	510.000.000	510.000.000
220	II. Tài sản cố định		952.159.308	2.043.594.668
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	952.159.308	2.043.594.668
222	- Nguyên giá		3.661.940.843	5.316.487.233
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.709.781.535)	(3.272.892.565)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	39.491.801.706	35.038.080.995
251	1. Đầu tư vào công ty con		11.099.272.800	29.662.187.677
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.312.941.477	6.312.941.477
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.582.757.677	-
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.503.170.248)	(937.048.159)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.128.371.416	1.408.158.022
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.128.371.416	1.408.158.022
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		113.682.987.372	93.666.597.401

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		53.712.156.331	34.130.222.052
310	I. Nợ ngắn hạn		53.712.156.331	34.130.222.052
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	28.331.905.449	20.268.338.984
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	6.458.178.213	7.095.917.011
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	613.923.594	93.792.486
314	4. Phải trả người lao động		2.777.606.562	2.231.253.974
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	376.438.556	72.955.634
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	4.654.103.957	2.319.180.798
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	10.500.000.000	2.048.783.165
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		59.970.831.041	59.536.375.349
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	59.970.831.041	59.536.375.349
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000	40.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000	40.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(10.000.000)	(10.000.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000)	(20.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		17.451.867.204	17.451.867.204
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.528.983.837	2.094.528.145
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		494.528.945	133.313.412
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.034.454.892	1.961.214.733
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		113.682.987.372	93.666.597.401

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lậpĐào Hồng Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	289.146.727.417	275.663.511.763
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		289.146.727.417	275.663.511.763
11	4. Giá vốn hàng bán	18	256.171.231.223	247.278.098.135
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.975.496.194	28.385.413.628
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2.658.817.306	1.539.337.344
22	7. Chi phí tài chính	20	1.024.725.517	1.151.597.038
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		444.354.141	81.584.958
25	8. Chi phí bán hàng		19.296.364	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	32.294.226.073	28.453.008.783
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.296.065.546	320.145.151
31	11. Thu nhập khác	22	19.220.625	1.965.218.853
32	12. Chi phí khác		199.661.589	78.969.457
40	13. Lợi nhuận khác		(180.440.964)	1.886.249.396
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.115.624.582	2.206.394.547
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	81.169.690	245.179.814
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.034.454.892	1.961.214.733

Quynh

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.115.624.582	2.206.394.547
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		518.346.117	583.938.026
03	- Các khoản dự phòng		574.207.279	953.796.636
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(36.926.543)	(27.599.065)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.633.120.444)	(3.449.428.906)
06	- Chi phí lãi vay		444.354.141	81.584.958
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		982.485.132	348.686.196
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(22.590.921.176)	(9.896.296.085)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	5.750.000
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.534.221.164	2.402.831.187
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		720.737.917	(1.179.028.500)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(134.507.583)	(78.629.324)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(267.501.999)	(623.667.594)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(365.739.050)	(538.100.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.121.225.595)	(9.558.454.120)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		592.309.090	2.520.119.794
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(899.272.800)	(1.312.941.477)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	300.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.505.299.294	1.566.484.739
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.198.335.584	3.073.663.056

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	7.590.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		17.617.060.634	7.989.970.731
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(9.165.843.799)	(5.941.187.566)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.264.763.485)	(1.500.135.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.186.453.350	8.138.647.415
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.736.436.661)	1.653.856.351
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.473.806.127	3.757.867.665
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		53.394.672	62.082.111
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.790.764.138	5.473.806.127


Nguyễn Thị Quỳnh
Người lậpĐào Hồng Vân
Kế toán trưởngNguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội - Hội sở chính là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 40.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 40.000.000.000 đồng; tương đương 4.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ vui chơi, giải trí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý bán vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh hướng dẫn du lịch; lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch
Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch
Việt Nam - Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch
Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ

Tỉnh
Thừa Thiên Huế
Thành phố
Hồ Chí Minh
Tỉnh
Quảng Ninh

Hoạt động kinh doanh chính

Dịch vụ du lịch

Dịch vụ du lịch

Dịch vụ du lịch

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty và trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty. Trong đó Chi nhánh Quảng Ninh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội là đơn vị hạch toán độc lập, các chi nhánh còn lại là đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn. Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí kiểm toán... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, dịch vụ và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	583.441.014	863.410.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.207.323.124	4.610.395.321
	<u>2.790.764.138</u>	<u>5.473.806.127</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- CATAI Tour	11.439.450.000	-	6.282.663.960	-
- Myanmar Gold (ASIAN CONTINENT)	405.086.870	-	920.129.475	-
- Công ty TNHH TWX Việt Nam	460.303.000	-	445.962.355	-
- TerraTour - MAROC	596.838.860	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	11.203.713.266	-	4.394.096.808	-
	<u>24.105.391.996</u>	<u>-</u>	<u>12.042.852.598</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019				01/01/2019			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	144.664.480	81.624.548	(63.039.932)		144.664.480	89.709.738	(54.954.742)	
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (Mã CP SHB)</i>	144.664.480	81.624.548	(63.039.932)		144.664.480	89.709.738	(54.954.742)	
	144.664.480	81.624.548	(63.039.932)		144.664.480	89.709.738	(54.954.742)	

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019				01/01/2019			
	Giá gốc	Dự phòng			Giá gốc	Dự phòng		
	VND	VND			VND	VND		
Đầu tư vào Công ty con								
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long (*)	11.099.272.800	(244.342.762)			29.662.187.677	-		
- Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	-	-			19.462.187.677	-		
- Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản (**)	10.200.000.000	-			10.200.000.000	-		
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết								
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	899.272.800	(244.342.762)			-	-		
- Công ty TNHH TWX Việt Nam	6.312.941.477	(1.258.827.486)			6.312.941.477	(937.048.159)		
Đầu tư vào đơn vị khác								
- Công ty Cổ phần Ngắm cảnh Việt Nam (***)	5.000.000.000	-			5.000.000.000	-		
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long (*)	1.312.941.477	(1.258.827.486)			1.312.941.477	(937.048.159)		
	23.582.757.677	-			-	-		
	4.120.570.000	-			-	-		
	19.462.187.677	-			-	-		
	40.994.971.954	(1.503.170.248)			35.975.129.154	(937.048.159)		

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản (**)	Nhật Bản	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Thành phố Hà Nội	50,00%	50,00%	Dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH TWX Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%	Dịch vụ du lịch

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Ngắm cảnh Việt Nam (***)	Hà Nội	17,00%	17,00%	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long (*)	Tỉnh Quảng Ninh	16,12%	16,12%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng

(*) Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long thực hiện tăng vốn từ 24.408.687.677 đồng lên 120.748.607.677 đồng cho cổ đông hiện hữu không bao gồm Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 03 năm 2019 dẫn đến tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội giảm từ 79,73% xuống 16,12%.

(**) Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội số 01/HĐQT-NQ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc thống nhất đề xuất thành lập góp vốn Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản tại Nhật Bản. Trong năm 2019, các bên cùng nhau góp vốn vào Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản theo tỷ lệ góp vốn trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 201900652 ngày 13 tháng 05 năm 2019.

(***) Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội số 02/2019/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2019 về việc mua lại cổ phần chào bán của Công ty cổ phần Ngắm cảnh Việt Nam. Công ty cam kết góp vốn 17% vốn điều lệ tương ứng góp 5.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2019, Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội thực góp 4.120.570.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . PHẢI THU KHÁC

		31/12/2019		01/01/2019	
		<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
		VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn					
- Cổ tức phải thu Công ty TNHH DL và DV Mega Việt Nam	708.066.082	-	1.027.464.779	-	
- Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	1.836.000.000	-	408.000.000	-	
- Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	21.806.450	-	
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.385.048	-	1.385.036	-	
- Tạm ứng	33.555.376.246	-	23.077.510.881	-	
- Phải thu của đại lý vé máy bay	4.930.605.799	-	3.887.843.023	-	
- Phải thu tiền chi hộ Công ty CP Khách sạn Vịnh Hạ Long	-	-	1.287.014.316	-	
- Phải thu Công ty CP Ngắm Cảnh Việt Nam	192.452.392	-	4.313.022.392	-	
- Phải thu Quỹ khen thưởng phúc lợi	671.955.941	-	306.216.891	-	
- Phải thu khác	358.157.661	-	97.862.969	-	
	<u>42.253.999.169</u>	<u>-</u>	<u>34.428.126.737</u>	<u>-</u>	
b) Dài hạn					
Ký cược, ký quỹ	510.000.000	-	510.000.000	-	
	<u>510.000.000</u>	<u>-</u>	<u>510.000.000</u>	<u>-</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.022.947.389	645.136.390	3.648.403.454	5.316.487.233
- Thanh lý, nhượng bán	-	(353.819.117)	(1.300.727.273)	(1.654.546.390)
Số dư cuối năm	1.022.947.389	291.317.273	2.347.676.181	3.661.940.843
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	573.728.762	598.123.773	2.101.040.030	3.272.892.565
- Khấu hao trong năm	40.917.900	47.012.617	430.415.600	518.346.117
- Thanh lý, nhượng bán	-	(353.819.117)	(727.638.030)	(1.081.457.147)
Số dư cuối năm	614.646.662	291.317.273	1.803.817.600	2.709.781.535
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	449.218.627	47.012.617	1.547.363.424	2.043.594.668
Tại ngày cuối năm	408.300.727	-	543.858.581	952.159.308

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 291.317.273 đồng.

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	12.727.273	140.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.416.667	-
Chi phí vé máy bay	1.223.742.000	1.623.708.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	106.366.749	26.496.000
	1.349.252.689	1.790.204.000
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	202.133.119	268.719.058
Chi phí sửa chữa văn phòng	440.226.240	1.032.168.297
Chi phí trả trước dài hạn khác	486.012.057	107.270.667
	1.128.371.416	1.408.158.022

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	13.245.270.798	13.245.270.798	8.094.037.806	8.094.037.806
- Công ty TNHH Du lịch Minh Việt	981.526.000	981.526.000	976.751.364	976.751.364
- Công ty Cổ phần Du thuyền Năm sao Tuần Châu	1.306.530.775	1.306.530.775	1.480.099.354	1.480.099.354
- Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	880.826.524	880.826.524	1.402.587.721	1.402.587.721
- Công ty TNHH Hương Hải (Indochina Sails)	1.629.555.750	1.629.555.750	745.404.875	745.404.875
- Tas Global Holding PTE. LTD	1.247.354.522	1.247.354.522	406.830.842	406.830.842
- Phải trả các đối tượng khác	9.040.841.080	9.040.841.080	7.162.627.022	7.162.627.022
	28.331.905.449	28.331.905.449	20.268.338.984	20.268.338.984

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- XTRIP (ISRAEL)	693.405.095	-	-	-
- Khách Lotus Travel	3.046.235.053	3.587.676.280	3.587.676.280	3.587.676.280
- Phải trả các đối tượng khác	2.718.538.065	3.508.240.731	3.508.240.731	3.508.240.731
	6.458.178.213	7.095.917.011	7.095.917.011	7.095.917.011

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	10.542.982	92.627.565	3.735.066.407	3.204.084.634	-	613.066.356
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	204.820.186	-	129.755.683	267.501.999	342.566.502	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.164.921	29.910.379	30.218.062	-	857.238
Các loại thuế khác	-	-	136.853.861	136.853.861	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.630	7.630	-	-
	215.363.168	93.792.486	4.031.593.960	3.638.666.186	342.566.502	613.923.594

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	312.802.192	2.955.634
- Trích trước phí kiểm toán	63.636.364	70.000.000
	<u>376.438.556</u>	<u>72.955.634</u>

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	71.723.732	-
- Bảo hiểm xã hội	-	3.941.054
- Bảo hiểm y tế	-	29.048.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	508.086.115	172.850.400
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	1.500.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.574.294.110	113.341.344
	<u>4.654.103.957</u>	<u>2.319.180.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sở giao dịch	2.048.783.165	2.048.783.165	7.117.060.634	9.165.843.799	-	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh Hạ Long (*)	-	-	10.500.000.000	-	10.500.000.000	10.500.000.000
	<u>2.048.783.165</u>	<u>2.048.783.165</u>	<u>17.617.060.634</u>	<u>9.165.843.799</u>	<u>10.500.000.000</u>	<u>10.500.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(*) Trong năm 2019, Công ty thực hiện khoản vay theo các hợp đồng tín dụng với Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh Hạ Long được chi tiết như sau:

- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực;
- + Lãi suất cho vay: 8.4%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.500.000.000 đồng;
- + Các hình thức đảm bảo khoản vay: Vay không có đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	-	-	15.900.600.507	6.205.066.788	52.105.667.295
Tăng vốn trong năm trước	10.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	-	(2.399.980.000)	7.590.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.961.214.733	1.961.214.733
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.551.266.697	(3.671.773.376)	(2.120.506.679)
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	17.451.867.204	2.094.528.145	59.536.375.349
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	17.451.867.204	2.094.528.145	59.536.375.349
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.034.454.892	2.034.454.892
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.599.999.200)	(1.599.999.200)
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	17.451.867.204	2.528.983.837	59.970.831.041

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 08/05/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	1.961.214.733
Chi trả cổ tức (bằng 4% vốn điều lệ)	81,58%	1.600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	18,42%	361.214.733

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Nguyễn Bá Tiến	6,04%	2.415.360.000	6,04%	2.415.360.000
Đặng Thị Minh Chi	10,16%	4.065.650.000	10,16%	4.065.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,00%	1.999.500.000	5,00%	1.999.500.000
Nguyễn Thị Kim Ngân	5,00%	1.999.500.000	5,00%	1.999.500.000
Trần Ngọc Nhật	18,13%	7.251.520.000	18,13%	7.251.520.000
Hoàng Tùng	5,57%	2.227.710.000	5,57%	2.227.710.000
Công ty TNHH NN Một thành viên XNK và Đầu tư Hà Nội	9,80%	3.919.020.000	9,80%	3.919.020.000
Nguyễn Thị Minh Yến	11,91%	4.762.800.000	11,91%	4.762.800.000
Khuất Minh Hà	12,61%	5.044.730.000	12,61%	5.044.730.000
Các cổ đông khác	15,79%	6.314.190.000	15,79%	6.314.190.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	20.000	0,00%	20.000
	100%	40.000.000.000	100%	40.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	10.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	172.850.400	172.986.150
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	1.599.999.200	3.900.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.599.999.200	3.900.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(1.264.763.485)	(1.500.135.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(1.264.763.485)	(1.500.135.750)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(2.399.980.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(2.399.980.000)
- Cổ tức là cổ phiếu lẻ được xử lý	-	(20.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	508.086.115	172.850.400

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2	2
- Cổ phiếu phổ thông	2	2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.999.998	3.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	3.999.998	3.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.451.867.204	17.451.867.204
	17.451.867.204	17.451.867.204

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại đường Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2001 đến năm 2030. Diện tích khu đất thuê là 305m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20.484,88	51.415,34
- Đồng Euro (EUR)	347,86	409,12

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	289.146.727.417	275.663.511.763
	289.146.727.417	275.663.511.763

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	256.171.231.223	247.278.098.135
	256.171.231.223	247.278.098.135

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	69.834.515	9.698.746
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.544.066.082	1.481.273.629
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.990.166	20.765.904
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	36.926.543	27.599.065
	2.658.817.306	1.539.337.344

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	444.354.141	81.584.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.164.097	70.760.899
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	574.207.279	953.796.636
Chi phí tài chính khác	-	45.454.545
	1.024.725.517	1.151.597.038

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.252.305	240.344.419
Chi phí nhân công	17.062.781.489	13.596.063.219
Chi phí khấu hao tài sản cố định	518.346.117	583.938.026
Thuế, phí, lệ phí	49.990.242	40.137.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.020.067.365	4.467.930.636
Chi phí khác bằng tiền	7.315.788.555	9.524.594.667
	32.294.226.073	28.453.008.783

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	19.219.847	-
Tiền thu từ bồi thường di dời khỏi tòa nhà số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	-	1.958.456.531
Thu nhập khác	778	6.762.322
	19.220.625	1.965.218.853

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập chịu thuế TNDN Hội sở	405.848.448	1.225.899.072
Thu nhập chịu thuế TNDN Chi nhánh Quảng Ninh	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành Hội sở	81.169.690	245.179.814
Chi phí thuế TNDN hiện hành Chi nhánh Quảng Ninh	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	81.169.690	245.179.814
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	48.585.993	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(204.820.186)	173.667.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(267.501.999)	(623.667.594)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(342.566.502)	(204.820.186)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	354.103.352	275.620.821
Chi phí nhân công	17.123.654.541	15.727.767.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	518.346.117	583.938.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.008.167.368	211.022.840.776
Chi phí khác bằng tiền	37.478.641.373	48.120.940.052
	288.482.912.751	275.731.106.918

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2019	01/01/2019
		Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.790.764.138	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.869.391.165	-	-
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	(63.039.932)	(54.954.742)
	69.804.819.783	(63.039.932)	(54.954.742)

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		10.500.000.000	2.048.783.165
Phải trả người bán, phải trả khác		32.986.009.406	22.587.519.782
Chi phí phải trả		376.438.556	72.955.634
		43.862.447.962	24.709.258.581

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư ngắn hạn	81.624.548	-	-	81.624.548
	<u>81.624.548</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>81.624.548</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư ngắn hạn	89.709.738	-	-	89.709.738
	<u>89.709.738</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>89.709.738</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.790.764.138	-	-	2.790.764.138
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.359.391.165	510.000.000	-	66.869.391.165
	69.150.155.303	510.000.000	-	69.660.155.303
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.473.806.127	-	-	5.473.806.127
Phải thu khách hàng, phải thu khác	46.470.979.335	510.000.000	-	46.980.979.335
	51.944.785.462	510.000.000	-	52.454.785.462

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	10.500.000.000	-	-	10.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	32.986.009.406	-	-	32.986.009.406
Chi phí phải trả	376.438.556	-	-	376.438.556
	43.862.447.962	-	-	43.862.447.962
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	2.048.783.165	-	-	2.048.783.165
Phải trả người bán, phải trả khác	22.587.519.782	-	-	22.587.519.782
Chi phí phải trả	72.955.634	-	-	72.955.634
	24.709.258.581	-	-	24.709.258.581

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	343.350.000	389.251.600
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	1.166.144.685	1.061.149.428

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Đào Hồng Vân
Kê toán trưởng



Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020